

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 45/2020/HS-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân N, ông Đinh Công H.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà Vũ Như T- Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2020/TLST- HS ngày 24/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Trọng M, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1986 tại xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: Xóm 10, xã G, huyện G, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: Lớp 09/12. Con ông: Bùi Trọng Hải (Bùi Việt Hải) và bà Trần Thị C; có vợ là Bùi Thị N và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: Tại Bản án số 69/2017/HSST ngày 03/11/2017 của Toà án nhân dân huyện G, xử phạt Bùi Trọng M 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bùi Trọng M chấp hành xong bản án ngày 01/9/2018.

Tiền sự: Ngày 25/3/2020, bị Công an xã G, huyện G xử phạt "Cảnh cáo" về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Quyết định số 01/QĐXP.

Lịch sử bản thân:

- Tại Bản án số 07/2011/HSST ngày 28/02/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt Bùi Trọng M 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bùi Trọng M đã chấp hành xong bản án ngày 08/3/2013.

- Ngày 20/02/2014, bị Công an huyện G xử phạt 500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Quyết định số 73/QĐXP. Chấp hành xong ngày 29/11/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2020, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1989. Có mặt.

Trú tại: Xóm 10, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1945. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm 10, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Các anh Nguyễn Văn T, Phạm Văn T. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Trọng M là người nghiện ma túy từ năm 2010 đến nay. Quá trình sử dụng ma túy, M đã từng mua Heroine của một người đàn ông tên là T (thường gọi là “T Soát”) ở khu vực thôn Ngọc Nhị, xã G, huyện N, tỉnh N. Khoảng 05 giờ ngày 19/6/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên M đạp xe từ nhà tại xóm 10, xã G, huyện G đến nhà T tại thôn Ngọc Nhị để mua ma túy. Khi đến cổng nhà T, M đứng ngoài cổng và gọi, T đi bộ ra cổng. M nói với T: “*Để cho em một cái*” - ý hỏi mua một gói Heroine. T hỏi: “*Lấy bao nhiêu*”, M trả lời: “*Để cho em năm trăm*”, đồng thời M lấy từ túi quần bên phải phía trước ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa cho T. T nhận tiền và đưa cho M 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen. Tuy không mở ra kiểm tra nhưng xác định bên trong có Heroine, M cầm ở lòng bàn tay trái rồi đạp xe về nhà. Trên đường đi, M vào hiệu thuốc Tân dược “Ninh Nguyệt” ở thôn Mỹ Lộc, xã G, huyện N để xin bơm kim tiêm nhằm mục đích sử dụng ma túy. Sau khi được anh Lê Văn N, sinh năm 1975, trú tại thôn Mỹ Lộc - là chủ hiệu thuốc cho 01 bơm kim tiêm và 01 ống nước cất, M cất vào túi quần bên trái phía trước rồi đạp xe đến đường đê thuộc địa phận thôn Ngọc Nhị. Tại đây, M lấy một phần ma túy vừa mua được ra, lấy 01 bơm kim tiêm và 01 ống nước cất rồi sử dụng ma túy bằng hình thức tiêm chích vào tĩnh mạch. Sau khi sử dụng ma túy xong, M vứt vỏ bơm kim tiêm và vỏ ống nước cất xuống sông, phần ma túy còn lại, M gói lại vào trong mảnh giấy ban đầu và cầm ở tay trái rồi đạp xe về. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường đê thuộc địa phận xóm 9, xã G, huyện G, M gặp Tổ công tác của Công an huyện G phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát trên địa bàn yêu cầu kiểm tra. Biết không thể che giấu được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình, M tự nguyện giao nộp cho Tổ công tác 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng đang cầm ở tay trái và khai nhận đó là ma túy vừa mua về sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã thu giữ, niêm phong gói nhỏ của M giao nộp, ngoài ra còn thu giữ của M 01 xe đạp sơn màu xanh, nhãn hiệu “THONG NHAT”; 01 điện thoại di động NOKIA 105, vỏ màu đen, đều đã qua sử dụng và số tiền 420.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành niêm phong 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen, bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của Bùi Trọng M ký hiệu M, để gửi đi xác định khối lượng và giám định chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 165/KLGD-PC09-MT ngày 20/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,0299 (Không phải không nghìn hai trăm chín mươi chín) gam là ma túy, loại Heroine.

Heroine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục I, số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho chị Bùi Thị N 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu đen đã qua sử dụng và số tiền 420.000 đồng; trả lại cho bà Trần Thị C 01 xe đạp sơn màu xanh, nhãn hiệu “THONG NHAT”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển 01 phong bì ghi số 165/KLGĐ-PC09-MT do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, bên trong đựng vật chứng: 01 vỏ túi nilon ký hiệu M, 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, để giải quyết theo quyết định của pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo M đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 45/CT-VKS-GV ngày 23/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Bùi Trọng M ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm a khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự(BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Trọng M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự(BLTTHS). Xử phạt bị cáo Bùi Trọng M từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2020; Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 165/KLGĐ-PC09-MT do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, bên trong đựng vật chứng: 01 vỏ túi nilon ký hiệu M, 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận gì

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Trọng M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Do mắc nghiện ma túy từ năm 2010, để có ma túy đáp ứng nhu cầu của bản thân nên khoảng 05 giờ ngày 19/6/2020, M đạp xe đến nhà T (T Soát) tại thôn Ngọc Nhị, xã G, huyện N để mua ma túy. Bị cáo M đã mua được 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen với giá 500.000 đồng. Tuy không mở ra kiểm tra nhưng M xác định chất chứa trong 01 gói nhỏ là Heroine nên cầm ở lòng bàn tay trái rồi đạp xe về nhà. Trên đường đi về, M đã xin được 01 bơm kim tiêm và 01 ống nước cất và M đã lấy một phần ma túy vừa mua được ra sử dụng bằng hình thức tự tiêm chích vào tĩnh mạch. Sau khi sử dụng ma túy xong M gói phần ma túy còn lại và cầm ở lòng bàn tay trái rồi tiếp tục đạp xe về nhà., Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực đường đê thuộc địa phận xóm 9, xã G, huyện G, M gặp Tổ công tác của Công an huyện G phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ, M đã tự nguyện khai nhận bản thân có sử dụng ma túy, vừa đi mua ma túy ở xã G, huyện N về để sử dụng.

Rõ ràng bị cáo M là người đang có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng lại tiếp tục có hành vi cất dấu 0,0299 gam ma túy, loại Heroine đúng như kết luận giám định, Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên nhằm để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với kết luận giám định, với lời khai của người làm chứng, với biên bản vụ việc, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo, khối lượng Heroine mà bị cáo tàng trữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập mà sớm sa vào con đường nghiện ngập ma túy dẫn đến phạm tội. Ma túy là một tệ nạn mà Nhà nước ta đang ra sức loại trừ, vì ma túy mà nhiều gia đình bị khuynh gia bại sản, vợ chồng ly tán. Ma túy một mặt ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng, mặt khác ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi, là hiểm họa gây nên căn bệnh HIV/AIDS, đồng thời là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo là người có nhân thân rất xấu.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình thể hiện khi thấy lực lượng Công an làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số ma túy mà bị cáo cất dấu và khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là thương binh. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân rất xấu nên cần có một hình phạt thật nghiêm M đối với bị cáo bằng việc

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo là con nghiện, việc tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì ghi số 165/KLGD-PC09-MT do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, bên trong đựng vật chứng: 01 vỏ túi nilon ký hiệu M, 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 bơm kim tiêm và 01 ống nước cất, sau khi sử dụng Heroine xong, M đã vứt vỏ bơm kim tiêm và vỏ ống nước cất xuống sông Hoàng Long. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 01 điện thoại Nokia 105 vỏ màu đen đã qua sử dụng và số tiền 420.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tiền và tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị N (là vợ của Bùi Trọng M). Tháng 5/2020, chị N đưa chiếc điện thoại trên cho M sử dụng làm phương tiện liên lạc và tới ngày 18/6/2020, chị N đưa cho M số tiền 420.000 đồng để mua sữa cho con, không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tiền và điện thoại cho chị N là phù hợp.

Đối với 01 xe đạp sơn màu xanh, nhãn hiệu “THONG NHAT”, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị C (là mẹ đẻ của Bùi Trọng M). Việc M sử dụng xe đạp đi mua ma túy bà C không biết, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại chiếc xe đạp cho bà C là phù hợp.

Đối với anh Lê Văn Ninh - chủ hiệu thuốc tân dược Ninh Nguyệt tại thôn Mỹ Lộc, xã G, huyện N, sáng ngày 19/6/2020, Bùi Trọng M xin anh Ninh 01 bơm kim tiêm và 01 ống nước cất. Việc M dùng bơm kim tiêm và ống nước cất để sử dụng ma túy, anh Ninh không biết, nên anh Ninh không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên thường gọi là “T Soát”, nhà ở thôn Ngọc Nhị, xã G, huyện N – là người đã bán ma túy cho Bùi Trọng M ngày 19/6/2020 (*theo lời khai của M*). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện G xác M ở thôn Ngọc Nhị, xã G, huyện N có đối tượng tên Nguyễn Đình T, sinh năm 1976, tên thường gọi “T Soát”. Cơ quan điều tra Công an huyện G đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Đình T để làm việc nhưng đến nay T không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách phần tài liệu liên quan đến Nguyễn Đình T để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định là phù hợp.

[9] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 249, các điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự : Tuyên bố bị cáo Bùi Trọng M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Bùi Trọng M 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ghi số 165/KLGĐ-PC09-MT do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N bàn giao sau giám định, bên trong đựng vật chứng: 01 vỏ túi nilon ký hiệu M, 01 phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 phong bì niêm phong theo quy định pháp luật, đựng vật chứng còn lại sau khi cân xác định khối lượng gồm: 01 mảnh giấy màu trắng, trên mặt giấy có in nhiều chữ màu đen và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu. (Đặc điểm chi tiết các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HỮU Q